**VÀI Ý KIẾN VỀ SỰ RA ĐỜI CỦA CÁC NHÀ NƯỚC Ở PHƯƠNG ĐÔNG**

**VÀ PHƯƠNG TÂY**

Cho đến nay, đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về sự xuất hiện của nhà nước. Các công trình đó ít nhiều đã chỉ ra những nội dung khoa học cho biết về cách thức, thời gian, điều kiện cho sự ra đời của các nhà nước như công trình nghiên cứu có tính chất kinh điển[1], các giáo trình lịch sử hay lý luận nhà nước và pháp luật của các cơ sở đào tạo luật…

Nó cho thấy sự phức tạp của việc nghiên cứu quá trình ra đời của nhà nước. Sự phức tạp đó không chỉ ở chỗ các nguồn tư liệu rất phong phú, có rất nhiều quan điểm chưa phải là đã nhất trí với nhau mà còn ở chỗ biểu hiện của bản thân sự ra đời của nhà nước. Hiện nay, có một quan điểm có thể coi như được thừa nhận chung là nhà nước ra đời trên cơ sở của xã hội đã phát triển đến một trình độ nhất định với sự xuất hiện của chế độ tư hữu sau khi có sự phân công lao động xã hội và trong xã hội đã xuất hiện giai cấp và đấu tranh giai cấp.

Tuy nhiên, cho đến nay, những thông tin có được từ các hoạt động như khảo cổ với những thư tịch cổ, các công cụ lao động, sinh hoạt… của con người thời kỳ cổ đại, từ các công trình nghiên cứu lịch sử đã cho chúng ta những cách nhìn toàn diện hơn về sự ra đời của các nhà nước cũng như pháp luật. Bài viết này là sự bày tỏ một số suy nghĩ của bản thân về sự xuất hiện của nhà nước, trong đó có sự so sánh và đưa ra cách luận giải về sự khác nhau trong sự xuất hiện của các nhà nước ở phương Đông và phương Tây và ý nghĩa của việc xác định sự khác nhau đó.

Trong bài viết này, xin được ngược dòng thời gian để trở về quá khứ, thông qua những kết quả của lịch sử để lại và hiện thực cuộc sống để lý giải về sự xuất hiện của nhà nước dưới các góc độ văn hóa, kinh tế, chính trị…

Ta bắt đầu từ sự xuất hiện của nhà nước ở Phương Đông. Dưới góc độ văn hóa, người phương Đông sống trong văn hóa duy tình. Nếu như nhà nước ra đời là kết quả của nhiều yếu tố trong đó có văn hóa, thì văn hóa lại là sự kết tinh của quá trình con người sáng tạo ra các giá trị làm cho cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn. Văn hóa duy tình ở phương Đông có thể thấy qua rất nhiều hiện tượng của cuộc sống hàng ngày ,chẳng hạn nếu phức tạp thì quan hệ trong cộng đồng làng xã ,như kết cấu gia đình bền vững “tam đai đồng đường, tứ đại đồng đường”, nhà thờ họ, còn đơn giản thì bát canh, bát nước chấm chung của cả gia đình, ấm nước trà uống chung cả xóm … Nếu nhìn ra một phạm vi rộng hơn ra nhiều nước ở phương Đông, ta nhìn thấy “văn hóa ăn bằng đũa”. Đó vừa là yếu tố văn hóa, là tập quán, là phong tục hình thành dần do lối sống, vừa là biểu hiện của phương thức làm kinh tế, của quan hệ cộng đồng trong những điều kiện tự nhiên gắn liền với con người trong các cộng đồng dân cư. Đã có nhiều ý kiến về sự ảnh hưởng của yếu tố địa lý đến văn hóa làm hình thành nên phong tục tập quán nhưng những yếu tố tự nhiên này đã ảnh hưởng như thế nào đến sự ra đời của nhà nước ở phương Đông thì cần làm rõ hơn. Có thể nói các yếu tố kinh tế, văn hóa, chính trị có quan hệ qua lại với nhau rất mật thiết. Từ yếu tố này, có thể nhìn thấy yếu tố kia ở những khía cạnh nhất định. Chẳng hạn như “văn hóa ăn bằng đũa” của nhiều dân tộc phương Đông cho ta thấy khía cạnh kinh tế. Đó là các dân tộc này thiên về các loại thực phẩm là sản phẩm của nền kinh tế trồng trọt. Đó là biểu hiện của điều kiện tự nhiên ở phương Đông chủ yếu gắn với văn minh nông nghiệp. Điều đó làm cho con người lệ thuộc vào điều kiện tự nhiên rất nhiều và muốn tồn tại và phát triển, con người phải biết liên kết với nhau để tạo nên sức mạnh của cộng đồng để khắc phục sự khó khăn của điều kiện tự nhiên đó để có thể tồn tại và phát triển.

Do sử dụng các sản phẩm chủ yếu từ hoạt động sản xuất nông nghiệp trồng trọt nên con người thuần tính hơn. Điều này đã được khẳng định về mặt sinh học ở chỗ những sinh vật nào ăn thức ăn từ thực vật, loài vật đó sẽ “hiền lành” hơn” thích sống theo bầy đàn, ít có sự cạnh tranh hơn so với các loài mà thức ăn của chúng lấy từ động vật vì loài này phải săn mồi nên thường phải rèn luyện kỹ năng săn mồi nên chúng cũng trở nên mạnh mẽ hơn. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến cách sống, đến tổ chức cuộc sống và quan hệ xã hội. Có thể vì sử dụng các sản phẩm từ nông nghiệp trồng trọt nên con người có thể không có nhiều sức mạnh về mặt thể chất nên cũng ít có xu hướng xung đột lẫn nhau. Những xu hướng mở rộng các quan hệ ra bên ngoài cũng ít được thực hiên do nhu cầu bị bó hẹp. Mặt khác, trong điều kiện địa lý phức tạp của phương Đông, việc đi lại cũng khó khăn hơn nên việc giao tiếp với bên ngoài cũng trở nên bị hạn chế. Khi con người sống trong điều kiện quần cư đó, sự liên kết trở nên bền vững hơn. Chính vì sức mạnh về thể chất hạn chế mà con người cần phải liên kết để chinh phục thiên nhiên, chống lại thú dữ, chống lại sự tấn công của các thế lực từ bên ngoài. Chưa nói tới yếu tố giai cấp, sự quần cư của các cư dân là một yếu tố có thể coi là tiên quyết cho sự hình thành nhà nước ở phương Đông.

Bên cạnh đó, ta còn thấy tiếp cận yếu tố văn hóa thì cần quan tâm đến những công trình vĩ đại mà con người đã tạo ra. Các công trình này thậm chí còn được coi là kỳ quan của thế giới trong thời kỳ cổ đại còn được con người biết đến lại tập trung hầu như ở phương Đông. Đây là kết quả lao động của người phương Đông với sức mạnh chủ yếu của cơ bắp và sự khôn ngoan lại khẳng định sức mạnh của họ. Có thể nhìn thấy nhiều khía cạnh của vấn đề rất gần gũi với sự ra đời của nhà nước:

Thứ nhất, đó phải là biểu hiện sức mạnh của một cộng đồng lớn trong quá trình xây dựng các công trình quy mô như vậy và rất cần một sự quản lý và phối hợp hoạt động chặt chẽ từ một tổ chức có uy tín và sức mạnh;

Thứ hai, có nhiều công trình mang yếu tố tâm linh, chứng tỏ mối quan hệ bền chặt của con người vào đấng tối cao mà người đại diện cho quyền lực tối cao ấy là những người đứng đầu cộng đồng do uy tín tự nhiên của họ (các Kim tự tháp ở Ai cập, đền Ăng co ở Campuchia, đền Tamahan ở Ấn độ…). Điều này cho ta biết về mối liên hệ của các yếu tố thiên nhiên khắc nghiệt mà con người chưa khám phá và chinh phục được, trong đó mong muốn chinh phục đã thúc đẩy con người cố gắng thực hiện những công việc mà cho đến ngày nay người ta vẫn còn chưa lý giải nổi nó đã được thực hiện như thế nào;

Thứ ba, các công trình này có ý nghĩa góp phần tổ chức và bảo vệ cuộc sống, sản xuất trước sự khắc nghiệt của thiên nhiên và nguy cơ bị tấn công của các thế lực bên ngoài (Vạn lý trường thành, các các con sông đào ở Trung quốc, ngọn Hải đăng ở Ai cập);

Thứ tư, các công trình này thường gắn với những khu vưc địa lý đặc biệt, nhất là những dòng sông hay ngọn núi (hay dãy núi lớn) liên quan rất nhiều đến hoạt động sản xuất hay sinh hoạt tín ngưỡng của một cộng đồng. Điều nay cho thấy một thực tế là địa hình cắt xẻ, phức tạp là một hạn chế cho sự đi lại giao lưu giữa các khu vực về cả kinh tế, văn hóa. Nó dẫn đến một kết quả là sự cạnh tranh giữa các dân tộc hay cộng đồng người không nhiều, sự học hỏi nhau gần như không có nên sự phát triển trở nên chậm chạp hơn rất nhiều so với phương Tây nên có những phát minh khoa học từ rất sớm nhưng không được phổ biến rộng rãi.

Thứ năm, là các công trình này được thực hiện bởi sự tham gia của rất nhiều nô lệ của nhà nước. Nô lệ ít tham gia vào các quá trình sản xuất ra của cải vật chất và không phải là đối tượng bóc lột chủ yếu như ở phương Tây.

Nói chung, có thể rút ra một số nhận xét về sự xuất hiện của các nhà nước ở phương Đông cổ đại như sau:

Trước hết, có thể thấy, các nhà nước ở phương Đông ra đời sớm hơn khá nhiều so với các nhà nước ở phương Tây. Các nhà nước phương Đông có sự ra đời sớm có thể được lý giải là do yêu cầu của việc tổ chức quá trình sản xuất, bảo vệ sản xuất, bảo vệ sự tồn tại và phát triển của cộng đồng.

Thứ hai, thời điểm của sự ra đời một tổ chức nhà nước khó xác định chính xác vì tính chất quá độ của xã hội cộng sản nguyên thủy lên xã hội có nhà nước là rất lâu dài. Nói cách khác thì các nhà nước có quá trình “thai nghén và trở dạ rất lâu”. Bằng chứng là sự tồn tại của các công xã nông thôn kéo dài rất lâu mà Mác đã có một khẳng định về phương thức sản xuất Á đông đã ảnh hưởng tới tổ chức xã hội và nhà nước. Điều này được lý giải bởi một căn cứ như đã nêu ở trên là do tính cạnh tranh không cao, con người ít có xung đột, mâu thuẫn ít xảy ra hơn nên ít có cách mạng xã hội hơn.

Thứ ba, nhà nước phương Đông cổ đại phát triển chậm chạp hơn. Điều này được lý giải ở việc tính chất duy tình trong các quan hệ xã hội làm cho con người tuy có gắn bó với nhau bền chặt hơn nhưng sẽ làm cho người ta trở nên bảo thủ ít chịu thay đổi vì thích sống trong hòa bình. Điều này được chứng minh bởi quan niệm của người phương Đông trong quan hệ giữa con người với trời, đất ( Thiên- Địa- Nhân). Người ta chỉ chịu làm cách mạng khi mà không còn cách nào khác sau khi đã cam chịu. Cũng vì lý do này mà quan hệ giai cấp trong xã hội phương Đông cũng trở nên ít gay gắt hơn rất nhiều so với phương Tây mà kết quả của nó là nhà nước phương Đông ra đời gắn liền với chế độ nô lệ gia trưởng. Hơn thế nữa, do quan hệ gắn bó, gần gũi với nhau con người phương Đông hay vì sĩ diện nên hay tự che giấu hoặc bao che cho nhau những khuyết tật của bản thân làm cho họ trở nên thủ cựu, ảnh hưởng đến sự phát triển chung của xã hội.

Thứ tư, càng gần với phương Tây và phương Bắc, các nhà nước càng có xu thế ra đời sớm hơn. Điều này được lý giải ở khía cạnh yêu cầu của việc tổ chức chống chiến tranh của các cộng đồng người. Các dân tộc ở phía Tây và phía Bắc thường là các dân tộc du mục, giỏi cưỡi ngựa, săn bắn mà thức ăn của họ chủ yếu là từ chăn nuôi và săn bắn nên họ có sức mạnh và thường trở nên hiếu chiến và cũng thiện chiến hơn.Việc chống lại các thế lực ngoại xâm này đòi hỏi các dân tộc này phải liên kết với nhau chặt chẽ hơn. Việc tổ chức chiến đấu đòi hỏi những người có bản lĩnh, kinh nghiệm và có uy tín cao. Điều này mang lại một kết quả là sự phục tùng của xã hội đối với họ gần như là lẽ tự nhiên vì sự phục tùng đó vừa mang lại sự gắn kết trong cộng đồng để tạo nên sức mạnh, vừa nâng cao tính trách nhiệm của những người chỉ huy, quyền lực của người chỉ huy dễ được thần thánh hóa. Nó được coi như là một nguyên nhân dẫn đến sự “ngại làm cách mạng” của người phương Đông.

Thứ năm, tổng kết về quá trình xâm lược các quốc gia phong kiến ở phương Đông của các thế lực thực dân phương Tây, người ta thấy chỉ có hai nhà nước phong kiến Nhật bản và Thái lan tránh được sự xâm lược và ách cai trị của người phương Tây. Đây là hai nhà nước phong kiến đã tự làm cuộc cách mạng xã hội, mở cửa và tiếp nhận văn minh phương Tây, không thi hành chính sách bế quan tỏa cảng như các nhà nước phong kiến còn lại. Điều đó cho thấy việc hạn chế giao lưu của các dân tộc phương Đông là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự chậm phát triển của khu vực này ngay từ thời kỳ cổ đại gắn với những điều kiện tự nhiên;

Thứ sáu, sự chậm phát triển của các nhà nước ở phương Đông còn được lý giải qua tinh thần các giáo lý tôn giáo ở phương Đông mà điển hình là tư tưởng diệt dục, triệt tiêu các ham muốn, các nhu cầu của con người được thể hiện trong đạo Phật, làm cho con người tự thu mình lại, không thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Có quan điểm cho rằng nhu cầu của con người chính là động lực cho sự phát triển của xã hội loài người, giáo lý đạo Phật lại đi ngược lại với quan điểm này. Ta thấy một điều rất rõ ở các nhà sư- những người đi theo đạo Phật thường ăn chay, tính tình của họ cũng vì thế mà trở nên nhu mì, hiền lành hơn. Nó rất gần với thói quen trong ăn uống của người phương Đông là ăn lương thực là chủ yếu và nhu cầu của họ cũng trở nên bị thu hẹp.

Việc đưa ra những kết luận trên đây có ý nghĩa góp phần nhìn nhận lại sự chậm phát triển và tính chất dân chủ hạn chế của các dân tộc phương Đông với những nguyên nhân và điều kiện tự nhiên liên quan và để có thể phần nào đó có thể khắc phục những truyền thống lạc hậu của người Phương Đông ,trong đó có Việt nam trong giai đoạn hội nhập quốc tế hiện nay.

Đối với sự xuất hiện của các nhà nước ở phương Tây, cách tiếp cận cũng tương tự như trên. Theo cách tiếp cận này, ta thấy truyền thống của lối sống phương Tây là duy lý. Truyền thống văn hóa duy lý là kết quả được hình thành từ thói quen sinh hoạt, sản xuất và chiến đấu của người phương Tây. Nó gắn liền với điều kiện tự nhiên ở phương Tây rất khác so với phương Đông. Đó là khí hậu tương đối điều hòa, địa hình khá bằng phẳng, rất ít thiên tai, các dòng sông thì yên ả, êm đềm. Khi đó ta thường có cảm nghĩ về cuộc sống dễ chịu của người phương Tây. Nhưng hãy nhìn vào “văn hóa ăn bằng dao dĩa” của người phương Tây để phân biệt với “văn hóa ăn bằng đũa” của người phương Đông. Thông thường ta thấy con người ở phương Tây tự lập từ rất sớm. Họ có thể thoát ly khỏi gia đình ngay từ bắt đầu sang tuổi thành niên để sống cuộc sống tự lập. Chính vì thế mà quan hệ theo thiết chế gia đình “tam đại, tứ đại đồng đường” thường rất hiếm. Điều này có thể được giải thích là tính cách và khí chất mạnh của người phương Tây. Nhưng tính cách và khí chất mạnh này có nguồn gốc từ đâu? Ta lại xuất phát từ nguồn thức ăn mà họ sử dụng. Văn hóa ăn bằng dao dĩa của họ cho ta thấy thức ăn của họ chủ yếu là thực phẩm- sản phẩm của chăn nuôi và săn bắt. Điều kiện tự nhiên thuận lợi như đã nêu ở trên đã làm cho nền kinh tế tự nhiên của người phương Tây kéo dài hơn. Đó là nền kinh tế mà hoạt động của con người chủ yếu là khai thác các sản phẩm tự nhiên sẵn có mà ít phải chinh phục thiên nhiên, chưa phải lao động sản xuất. Trong khi đó, điều kiện địa hình bằng phẳng ít cách trở bởi sông núi đã tạo cho con người có khả năng mở rộng phạm vi hoạt động và giao lưu. Điều này kéo theo các hệ quả:

Thứ nhất, con người mang đến trao đổi cho nhau các yếu tố văn hóa, kinh tế, kinh nghiệm sản xuất… Biểu hiện cụ thể là các biểu hiện văn hóa của các dân tộc phương Tây là khá gần nhau (từ kiến trúc, chữ viết, âm nhạc đến ăn uống…) Điều đó làm cho phương Tây phát triển nhanh hơn do con người phát huy được các giá trị mà họ đã sáng tạo ra và thường xuyên được trao đổi;

Thứ hai, việc mở rộng phạm vi hoạt động cũng có nguy cơ dẫn đến sự xung đột là rất cao. Chiến tranh xảy ra cũng rất khắc nghiệt và cũng rất nhanh chóng do tính chất thiện chiến của các tộc người vốn rất giỏi săn bắn và chăn nuôi. Giữa người đi chinh phục với người bị chinh phục có quan hệ phân biệt rất rõ ràng, trong đó ai là kẻ mạnh người đó sẽ chiến thắng và thống trị, người kia trở thành nô lệ. Nhiều khi cả một dân tộc bị nô lệ hóa như người Hilốt bị người Xpác xâm lược. Cũng vì lẽ đó mà việc áp đặt sự cai trị cần có một lực lượng đủ mạnh để đàn áp sự chống đối của người bị trị nên nhà nước hình thành sẽ rất nhanh chóng;

Thứ ba, sự xung đột trong xã hội sẽ giúp cho việc loại trừ nhanh chóng những gì không phù hợp, yếu đuối. Tính chất cách mạng còn xuất phát từ chỗ người bị trị khi bị đàn áp dã man , tàn bạo quá cũng sẽ đấu tranh mạnh mẽ hơn, từ đó dẫn đến chỗ giai cấp thống trị cũng cần có sự thay đổi chính sách cai trị cho phù hợp để duy trì trật tự xã hội nên nền dân chủ ở phương Tây sớm được hình thành hơn;

Thứ tư, sự giao lưu giữa các cộng đồng người do điều kiện tự nhiên thuận lợi sẽ góp phần cải tạo giống nòi do chế độ quần hôn nhanh chóng bị phá bỏ hơn. Trong hoàn cảnh như vậy, kẻ mạnh càng có điều kiện để chứng minh ưu thế của mình so với những người khác. Kết quả là nguồn gen để lại cho các thế hệ sau cũng có chất lượng hơn. Điều này được chứng tỏ ở tầm vóc và sức khỏe của người phương Tây là hơn hẳn so với người phương Đông mặc dù ngày nay đã có ít nhiều thay đổi.

Thứ năm, nhu cầu của người phương Tây cũng cao hơn so với người phương Đông. Điều này có được là do khí chất rất mạnh của người phương Tây. Họ vừa là những thế lực hay gây chiến tranh xâm lược nhưng họ cũng là những người có nhiều phát minh khoa học để đáp ứng nhu cầu của mình. Có thể nói đây là một nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự phát triển nhanh chóng của phương Tây. Các thế lực xâm lược phải là các thế lực có sức mạnh để có khả năng chinh phục các dân tộc khác. Điều này đã được lịch sử chứng minh một cách khá đầy đủ.

Với những phân tích trên đây, ta có thể đi đến một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, các nhà nước phương Tây ra đời muộn hơn so với các nhà nước ở phương Đông. Nguyên nhân của sự ra đời muộn này là do ở phương Tây, nền kinh tế tự nhiên kéo dài hơn, con người được hưởng các sản phẩm có sẵn nhiều hơn do sự ưu đãi của thiên nhiên. Sự ưu đãi này làm cho con người ít phải đấu tranh với thiên nhiên khắc nghiệt, mức độ cạnh tranh của con người với nhau ở phạm vi rộng vì lý do sinh tồn vì vậy cũng không quyết liệt như ở phương Đông;

Thứ hai, thời kỳ quá độ chuyển tiếp từ chế độ cộng sản nguyên thủy lên xã hội có giai cấp nhanh hơn, thời điểm ra đời của nhà nước ở phương Tây có tính xác định hơn do qua trình thai nghén của nhà nước ngắn hơn như đã phân tích ở trên;

Thứ ba, tính chất của quan hệ giai cấp trong các nhà nước ở phương Tây là rất gay gắt mà biểu hiện cụ thể của nó là chế độ nô lệ ở phương Tây có tính chất điển hình qua sự thống trị của chủ nô đối với nô lệ, trong đó vai trò sản xuất của cải vật chất cho xã hội chủ yếu do người nô lệ thực hiện. Đó vừa là kết quả của điều kiện sống, vừa là nguyên nhân của sự phát triển về sau ở phương Tây. Điều này có sự khác biệt so với chế nộ nô lệ gia trưởng ở phương Đông với vai trò không lớn của nô lệ (chủ yếu là phục dịch trong các gia đình quyền quý và thực hiện công việc xây dựng các công trình công cộng). Việc đấu tranh giai cấp vì vậy mà cũng trở nên quyết liệt hơn, các cuộc cách mạng xã hội diễn ra nhiều hơn mà kết quả của nó là những cải cách xã hội có tính chất tiến bộ đã sớm mang lại một nền dân chủ và nhanh chóng trở thành truyền thống của phương Tây;

Thứ tư, đã có một số nhà nước hình thành từ kết quả của các cuộc chiến tranh xâm lược mà kẻ đi xâm lược do có sức mạnh nên đã chiến thắng và thiết lập nên nhà nước để áp đặt sự thống trị với người bị thất bại. Đây cũng là một trong những phương thức giúp cho nhà nước ở phương Tây ra đời nhanh hơn. Đây cũng là một lý do giải thích cho sự hiếu chiến và cũng rất thiện chiến của người phương Tây và sau này, các nước thực dân cũng là các nước ở phương Tây. Trong khi đó các dân tộc phương Đông lại là những nạn nhân của các đế quốc, thực dân phương Tây. Trong chiến tranh thế giới, các nước phát xít cũng là các nước có truyền thống bá quyền xâm lược ( La mã và Giéc – manh). Riêng nước Nhật phát xít là nước rất mạnh ở phương Đông là nhà nước đã mở cửa với bên ngoài, phát triển kinh tế do có sự giao lưu rộng rãi với bên ngoài hơn hẳn các dân tộc khác ở phương Đông.

Những nội dung được phân tích và so sánh ở trên đây có thể cho chúng ta một cách nhìn về thời đại hiên nay. Xu thế hội nhập và mở rộng các quan hệ với bên ngoài sẽ làm thay đổi rất nhiều lối sống truyền thống của người phương Đông, trong đó có Việt nam chúng ta. Cơ hội cho chúng ta trở nên nhiều hơn nhưng nó cũng là thách thức với điều kiện hiện tại của chúng ta, buộc chúng ta phải rèn luyện bản lĩnh để tăng khả năng cạnh tranh, tận dụng cơ hội. Việc Việt nam chính thức trở thành thành viên của WTO trong thời gian gần đây cũng chính là kết quả nhận thức về xu thế hội nhập và mở rộng các quan hệ ra bên ngoài. Việt nam đã từng mất một cơ hội phát triển, đồng thời phải chịu ách đô hộ của thực dân phương Tây khi các vua nhà Nguyễn không chịu nghe lời khuyến nghị của Nguyễn Trường Tộ trong việc mở rộng giao lưu với phương Tây. Khó khăn thách thức với Việt nam khi vào WTO chỉ nên coi là cơ hội cho Việt nam vươn lên để khẳng định mình vì chưa có một Quốc gia nào lại xin ra khỏi tổ chức này do lợi ích mà nó mang lại. Mặt khác, việc gia nhập WTO sẽ giúp cho ta “nhăt sạn”, loại trừ những yếu tố tiêu cực trong cả hoạt động của bộ máy nhà nước lẫn các hoạt động của xã hội. Hy vọng vào sự phát triển của đất nước trong tương lai gắn liền với sự mở rộng và giao lưu với thế giới.